BÀI TẬP LỚN CUỐI KHÓA

Môn: Quản lý dự án CNTT

Thời lương: 40 giờ Han nôp: ../.... Ngày thi: .../... (vấn đáp) Nhóm: 5-6sv

Đề 1:

Yêu cầu dự án:

Viết đề cương thuyết minh dự án: Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cán bộ của một trường đai học đáp các yêu cầu sau đây:

- Quản lí nhân sự, cán bộ, công nhân viên, giảng viên và người lao động trong toàn trường.
- Quản lí các thông tin thi đua, khen thưởng, kỷ luật...
- Quản lí thông tin trong quá trình công tác, thông tin về các hoạt động cá nhân, đoàn thể... trong nhà trường.
- Quản lí toàn bộ quá trình công tác tại Nhà trường như: lịch sử làm việc, điều chuyển, bảng mô tả công việc...
 - Quản lí thông tin cá nhân cơ bản của cán bộ.
 - Quản lý thông tin đánh giá cán bộ định kỳ: Tháng, Quí, Năm
- Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liêu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vu cu thể trong quá trình quản lí.
- Là kho dữ liệu cung cấp thông tin về cán bộ cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống.

Yêu cầu thực hiện:

- 1. Xây dưng đề cương dư án, nêu được: Muc đích, yêu cầu cu thể, kế hoạch thực hiện(lập bảng công việc, vẽ sơ đồ và tìm đường Gantt), lập dự toán chi tiết; tổ chức nhân sự thực hiện và dự kiến kết quả hoặc sản phẩm
- 2. Đề xuất phương án tổ chức thực hiện dự án bao gồm:

| Đặc tả yêu câu phân mêm |
|---|
| Phân tích và thiết kế cơ bản (hướng chức năng or đối tượng) |
| Thiết kế chi tiết (các lớp, hàm, csdl, đối tượng) |
| Xây dựng sản phẩm (nếu có) |
| Xây dựng phương án kiểm thử. |
| Tài liệu triển khai phần mềm: Hướng dẫn cài đặt, sử dụng. |

- 3. Tổ chức thực hiện theo nhóm, có bảng mô tả và phân công công việc của cá nhân.
- 4. Ngày thi sẽ được các nhóm báo cáo kết quả và bảo vệ phản biện của giáo viên.
- 5. Đóng gói thành file zip theo cấu trúc: <mã sinh viên mã sv mã sv_cuoikhoa.zip>
- 6. Nộp qua hệ thống học trực tuyến cst.hnue.edu.vn

BÀI TÂP LỚN CUỐI KHÓA

Môn: Quản lý dự án CNTT

Thời lương: 40 giờ Han nôp: ../.... Ngày thi: .../... (vấn đáp) Nhóm: 3-4sv

Đề 2:

Yêu cầu dự án:

Viết đề cương thuyết minh dự án: Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cán bộ của một trường đai học đáp các yêu cầu sau đây:

- Quản lí nhân sự, cán bộ, công nhân viên, giảng viên và người lao động trong toàn trường.
- Quản lí các thông tin thi đua, khen thưởng, kỷ luật...
- Quản lí thông tin trong quá trình công tác, thông tin về các hoạt động cá nhân, đoàn thể... trong nhà trường.
- Quản lí toàn bộ quá trình công tác tại Nhà trường như: lịch sử làm việc, điều chuyển, bảng mô tả công việc...
 - Quản lí thông tin cá nhân cơ bản của cán bộ.
 - Quản lý thông tin đánh giá cán bộ định kỳ: Tháng, Quí, Năm
- Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liêu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vu cu thể trong quá trình quản lí.
- Là kho dữ liệu cung cấp thông tin về cán bộ cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống.

Yêu cầu thực hiện:

- 1. Xây dưng đề cương dư án, nêu được: Muc đích, yêu cầu cu thể, kế hoach thực hiện(lập bảng công việc, vẽ sơ đồ và tìm đường Gantt), lập dự toán chi tiết; tổ chức nhân sự thực hiện và dự kiến kết quả hoặc sản phẩm
- 2. Đề xuất phương án tổ chức thực hiện dự án bao gồm:

| Ш | Đặc tả yêu câu phân mêm |
|---|---|
| | Phân tích và thiết kế cơ bản (hướng chức năng or đối tượng) |
| | Thiết kế chi tiết (các lớp, hàm, csdl, đối tượng) |
| | Xây dựng sản phẩm (nếu có) |
| | Xây dựng phương án kiểm thử. |
| | Tài liêu triển khai phần mềm: Hướng dẫn cài đặt, sử dung. |

- 3. Tổ chức thực hiện theo nhóm, có bảng mô tả và phân công công việc của cá nhân.
- 4. Ngày thi sẽ được các nhóm báo cáo kết quả và bảo vệ phản biện của giáo viên.
- 5. Đóng gói thành file zip theo cấu trúc: <mã sinh viên mã sv mã sv_cuoikhoa.zip>
- 6. Nộp qua hệ thống học trực tuyến cst.hnue.edu.vn

Yêu cầu nộp bài

- 1. Đóng gói thành file zip theo cấu trúc: <mã sinh viên mã sv mã sv_cuoikhoa.zip> (với các mã sinh viên thứ 2 trở đi để 3 số cuối).
- 2. Nộp qua hệ thống học trực tuyến cst.hnue.edu.vn
- 3. Trường hợp file zip có dung lượng lớn có thể upload lên các trang mạng share file. Tuy nhiên học viên sẽ nộp file MS word chứa địa chỉ để download bài nộp về.

Quy định về đánh giá:

- 1. Sinh viên nào không có bài nộp sẽ bị 0 (không) điểm
- 2. Điểm của bài tập lớn sẽ được tính bằng 60% điểm cuối khóa. (40% còn lại gồm: 10% tích cực, 30% - các bài giữa kỳ).
- 3. Không sao chép, nếu phát hiện sẽ bị 0 của cả các bài sao chép giống nhau.
- 4. Tiêu chí tính điểm như sau:

Hình thức 10%; Đề cương dự án: 20%; Đặc tả yêu cầu: 10%; Phân tích và thiết kế cơ bản: 20%; Thiết kê chi tiết: 20%; Sản phẩm: 10%; Tài liệu triển khai. 10%

> GIÁO VIÊN BÔ MÔN ThS. Nguyễn Duy Hải

PHU LUC CÁC DỰ ÁN

| Stt | Tên dự án | Mục tiêu và yêu cầu cần đạt |
|-----|-------------------------------|---|
| 1 | Thu thập nội dung được số hóa | Hệ thống có khả năng hỗ trợ định dạng dữ liệu từ những nguồn khác nhau như văn bản tài liệu giấy (đã được số hóa), các tập tin do phần mềm văn phòng phổ biến tạo ra, tập tin PDF, các định dạng tệp tin âm thanh, hình ảnh, phim ảnh phổ biến, |
| | | Dựa vào thông tin về tài liệu, hệ thống sẽ tự động phân loại tài liệu vào đúng vị trí, kho lưu trữ thích hợp, tương ứng với các phần mềm quản lí. |
| | Quản lí đơn vị | - Hệ thống có khả năng quản lí kho dữ liệu và thông tin về các khoa, phòng ban, trung tâm, viện nghiên cứu |
| 2 | | - Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vụ cụ thể trong quá trình quản lí. |
| | | - Là kho dữ liệu về thông tin các đơn vị trực thuộc trong trường, cung cấp thông tin thống nhất, chính thống cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống. |
| 3 | Quản lí cán bộ | - Quản lí nhân sự, cán bộ, công nhân viên, giảng viên và người lao động trong toàn trường. |
| | | - Quản lí các thông tin thi đua, khen thưởng, kỷ luật |

| | | - Quản lí thông tin trong quá trình công tác, thông tin về các hoạt động cá nhân, đoàn thể trong Nhà trường. |
|---|------------------------------|---|
| | | - Quản lí toàn bộ quá trình công tác tại Nhà trường như: lịch sử làm việc, điều chuyển, bảng mô tả công việc |
| | | - Quản lí thông tin cá nhân cơ bản của cán bộ. |
| | | - Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vụ cụ thể trong quá trình quản lí. |
| | | - Là kho dữ liệu cung cấp thông tin về cán bộ cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống. |
| | | - Quản lí thông tin về quá trình đào tạo, kết quả học tập, lịch học, thi của sinh viên. |
| | | - Quản lí đăng ký học, đăng ký lớp, tín chỉ của sinh viên. |
| | | - Thông báo lịch học, thi, kết quả học tập, thi cử cho sinh viên. |
| | Quản lí đào tạo đại học | - Tra cứu thông tin học tập, kết quả học tập, thông tin đào tạo, các chứng chỉ, văn bằng. |
| 4 | | - Xây dựng, xắp xếp lịch học, thời khóa biểu các lớp học, phòng học, các khoa. |
| | | - Quản lí đào tạo, học tập, kết quả học tập, lịch học, thi, đăng ký học cho ngành học thứ 2. |
| | | - Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vụ cụ thể trong quá trình quản lí. |
| | | - Là kho dữ liệu cung cấp thông tin về kết quả, quá trình học tập của sinh viên cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống. |
| | | - Quản lí thông tin về quá trình đào tạo, kết quả học tập, lịch học, thi của học viên cao học và nghiên cứu sinh. |
| | | - Thông báo lịch học, thi, kết quả học tập, thi cử tới học viên. |
| | Quản lí đào tạo sau đại học | - Tra cứu thông tin học tập, kết quả học tập, thông tin đào tạo, các chứng chỉ, văn bằng. |
| _ | | - Xây dựng, xắp xếp lịch học, thời khóa biểu các lớp học, phòng học, các khoa. |
| 5 | | - Quản lí quy trình bảo vệ luận văn, luận án, đăng ký bảo vệ luận văn, luận án, quản lí hồ sơ đăng ký trực tuyến. |
| | | - Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vụ cụ thể trong quá trình quản lí. |
| | | - Là kho dữ liệu cung cấp thông tin về kết quả, quá trình học tập của học viên cao học, nghiên cứu sinh cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống. |
| | Quản lí đào tạo ngoài trường | - Quản lí sinh viên, học viên các hệ đào tạo ngoài trường. |
| 6 | | - Quản lí chương trình đào tạo, lịch học, chương trình học, thi đối với học viên, sinh viên ngoài trường. |
| | | - Quản lí kế hoạch học tập, thời khóa biểu, kết quả học tập, tài chính, đăng |

| | | ký học đối với học viên ngoài trường. |
|----|--|--|
| | | - Quản lí thông tin giảng dạy, giảng viên mời giảng, các cơ sở đào tạo, cơ sở liên kết đào tạo. |
| | | - Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vụ cụ thể trong quá trình quản lí. |
| | | - Là kho dữ liệu cung cấp thông tin chương trình, kết quả học tập, dữ liệu đào tạo ngoài trường cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống. |
| | | - Quản lí tổng thể mảng đào tạo trực tuyến của nhà trường. |
| | | - Quản lí chương trình đào tạo, các khóa đào tạo, học viên, lịch học, các bài giảng, bài thi, bài kiểm tra của học viên đào tạo qua mạng. |
| 7 | Quản lí đào tạo trực tuyến - Elearning | - Quản lí thông tin khóa học, giáo viên, học viên, thông tin tài chính, thời gian, chương trình học. |
| | | - Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vụ cụ thể trong quá trình quản lí. |
| | | - Là kho dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu về mảng đào tạo trực tuyến của nhà trường cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống. |
| | 8 Quản lí giờ giảng | Liên kết với các phần mềm quản lí đào tạo, quản lí công việc nhằm tính toán giờ giảng, giờ chuẩn, nhằm tính toán chế độ đối với giảng viên, giáo viên, nhà khoa học. |
| | | - Cho phép giảng viên, giáo viên, nhà khoa học trong trường theo dõi, quản lí thông tin công việc, giảng dạy trong năm học. |
| 8 | | - Tính toán giờ giảng cho giảng viên, giáo viên và các nhà khoa học theo quy chế chế độ làm việc đối với giảng viên. |
| | | - Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu từng nghiệp vụ cụ thể trong quá trình quản lí. |
| | | - Là kho dữ liệu cung cấp thông tin về giờ giảng, công việc của giảng viên, giáo viên, nhà khoa học của nhà trường cho các phần mềm quản lí khác. |
| | Quản lí khoa học | Quản lí toàn bộ thông tin về các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo, tạp chí của các cán bộ, giảng viên, các nhà khoa học trong trường. |
| | | Quản lý đề tài NCKH, kế hoạch, mục tiêu, quá trình thực hiện các công trình NCKH. |
| 9 | | Thống kê, báo cáo, trích xuất dữ liệu báo cáo theo đặc thù lĩnh vực quản lí khoa học, trích xuất profile khoa học trực tuyến. |
| | | Là kho dữ liệu về các công trình NCKH của cán bộ, giảng viên, chuyên viên, các nhà khoa học trong toàn trường, có khả năng cung cấp thông tin cần thiết cho các phần mềm khác trong hệ thống. |
| |) Quản lí tạp chí | Quản lí thông tin các bài tạp chí của các nhà khoa học trong trường. |
| | | Quản lí bài đăng, số, mục lục, bản tin, báo cáo |
| 10 | | Quản lí danh mục các tạp chí trong nước và trên thế giới. |
| | | Thống kê, xếp loại các bài đăng, danh mục các tạp chí, trích xuất dữ liệu theo yêu cầu của nhà quản lí và lãnh đạo. |

| | | Là kho dữ liệu tập trung về quản lí tạp chí trong nhà trường, cung cấp cho các phần mềm tác nghiệp khác trong hệ thống. |
|----|-------------------------|--|
| | | Hệ thống quản lí thông tin tài chính, nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường, nhà nước của cán bộ, giảng viên, công nhân viên. |
| | Quản lí tài chính | Quản lí tài chính đối với sinh viên, học viên các hệ đào tạo, lưu trú trong ký túc xá, các dịch vụ trong khu vực quản lí của nhà trường. |
| 11 | | Quản lí thông tin tài chính các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học, đề án, dự án. |
| | | Là kho dữ liệu về thông tin tài chính chung của nhà trường, cung cấp cho các phần mềm tác nghiệp khác trong hệ thống. |
| | | Quản lí thông tin công văn đi, đến, các biểu mẫu, báo cáo tháng. |
| 12 | Quản lí công văn | Quản lí danh mục, đơn vị xuất bản, các thông tin cơ bản của công văn. |
| 12 | Quan li cong van | Gửi công văn trực tuyến, theo dõi, kiểm tra, chuyển tiếp tới các thành viên trong đơn vị. |
| | | Quản lí toàn bộ thông tin về tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị trong trường. |
| | | Xây dựng kế hoạch nâng cấp, triển khai xây dựng các công trình, nhà ở. Quản lí dự án, mua sắm thiết bị, vật tư, đầu tư phát triển, tiến độ thực hiện |
| | | Quản lí tình trạng tài sản, cơ sở vật chất, báo hỏng, khắc phục, sửa chữa. |
| 13 | Quản lí tài sản | Dự báo khấu hao, quản lí giá trị tài sản, tình trạng sử dụng, điều chuyển, thay thế, thanh lý |
| | | Trích xuất các báo cáo về lĩnh vực tài sản, cơ sở vật chất trong nhà trường theo yêu cầu đặc thù quản lí và lãnh đạo. |
| | | Là kho dữ liệu cung cấp thông tin về tình hình tài sản, đầu tư, trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường, cung cấp dữ liệu cho các phần mềm khá trong hệ thống. |
| | | Quản lí thông tin, tình trạng các phòng họp trong nhà trường. |
| | Quản lý phòng họp | Cho phép đăng ký sử dụng, quản lí lịch họp, lịch đăng ký các phòng họp. |
| 14 | | Thống kê, trích xuất dữ liệu báo cáo về các phòng họp, tình trạng sử dụng tần suất sử dụng phòng họp |
| | | Là kho dữ liệu cung cấp lịch họp, lịch công tác tuần cho các phần mềm khác trong hệ thống. |
| | Quản lí hợp tác quốc tế | Quản lí thông tin hợp tác quốc tế của nhà trường và các đơn vị, quốc gia khác. |
| | | Quản lí đoàn ra nước ngoài. |
| | | Quản lí các chương trình hợp tác quốc tế. |
| 15 | | Quản lí các nguồn hỗ trợ, tài trợ, dự án có nguồn vốn quốc tế |
| | | Quản lí liên kết đào tạo quốc tế |
| | | Quản lí hợp tác, đầu tư đối với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục |
| | | Là kho dữ liệu về hợp tác quốc tế của nhà trường, cung cấp cho các phần mềm tác nghiệp khác trong hệ thống. |

| | | Quản lí thông tin học sinh, sinh viên, học viên, khách lưu trú tại ký túc xá nhà trường. |
|----|----------------------|--|
| | | Quản lý các thủ tục đăng ký, thuê, mượn, trả phòng |
| 16 | 6 Quản lí ký túc xá | Quản lí ra, vào cổng, hệ thống thông báo, tra cứu dữ liệu đối với người lưu trú. |
| | | Quản lí tài sản, thông tin phòng ở, thông tin điện, nước, internet, truyền hình và các dịch vụ khác trong ký túc xá. |
| | | Là kho dữ liệu về thông tin học sinh, sinh viên, học viên, người lưu trú tại ký túc xá, cung cấp dữ liệu cho các phần mềm quản lí khác trong hệ thống. |
| | | Quản lí dữ liệu tập trung của toàn bộ học viên, sinh viên trong và ngoài trường. |
| | | Quản lí thông tin cá nhân, các hoạt động trong quá trình học tập tại trường. |
| 17 | 7 Quản lí sinh viên | Thống kê các báo cáo liên quan tới sinh viên, xu hướng phát triển, tỷ lệ các thành phần học sinh, sinh viên |
| | | Cung cấp cơ chế liên thông dữ liệu giữa các phần mềm quản lí dữ liệu trong trường như quản lí ký túc xá, quản lí thư viện, quản lý đào tạo |
| | | Hệ thống cho phép người quản trị tạo ra hồ sơ người sử dụng mới hoặc thay đổi/xóa thông tin, đặc tính của những người sử dụng cũ. |
| 18 | 3 Quản lí tài khoản | Hệ thống có cơ chế phân quyền linh hoạt theo vai trò của nhóm người sử dụng, người sử dụng với các cấp độ truy cập và sử dụng khác nhau dựa trên quy trình công việc xuyên suốt trong hệ thống (quyền truy cập, quyền thêm mới, chỉnh sửa/cập nhật, xóa bỏ và lưu trữ tài liệu, thông tin). Hỗ trợ quản trị nhóm người sử dụng, người sử dụng theo chính sách, quy định do tổ chức ban hành. |
| | | Cho phép kết nối để lấy thông tin người sử dụng. |
| | | Hệ thống có khả năng đáp ứng cơ chế đăng nhập 1 lần. |
| | | Cung cấp dịch vụ cho phép các ứng dụng khác có thể kết nối để đăng nhập. |
| 19 | Quản lý tài nguyên | Hệ thống cho phép quản lí toàn bộ tài nguyên thông tin trong trường như bài báo, bài viết, tin tức, hình ảnh, video, thông báo, cho phép phân loại thông tin, nội dung thông tin, đồng thời cho phép định nghĩa một quy trình biên tập và xuất bản nội dung thông tin để công bố thông tin trên trang thông tin của tổ chức. |
| | | Hướng tới lãnh đạo các cấp trong nhà trường. |
| 20 | 20 Quản lí giờ giảng | Là hệ thống quản lí tổng thể chung, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo các cấp. |
| | | Hệ thống cho phép tạo báo cáo, thống kê báo cáo đáp ứng yêu cầu của nhà lãnh đạo. |
| | | Hướng tới toàn bộ cán bộ, giảng viên, người lao động trong nhà trường. |
| 21 | Quản lí công việc | Hệ thống quản lí công việc, giờ giấc, kế hoạch và hoạt động của cán bộ, công nhân viên và người lao động trong trường. |
| | | Có cơ chế liên kết chặt chẽ giữa hệ thống quản lí công việc và các hệ thống khác giúp mỗi cá nhân có thể nhìn tổng thể hoạt động tại nhà trường của |

| | | mình. |
|----|-----------------------------|---|
| | | |
| | Cổng thông tin sinh viên | Hướng tới sinh viên, học viên trong trường. |
| | | Hệ thống quản lí thông tin học tập, rèn luyện của học viên trong trường. |
| 22 | | Hệ thống có khả năng liên kết và hiển thị toàn bộ các thông tin liên quan tới học viên. |
| | | Hệ thống có khả năng cá nhân hóa tới từng học viên, đồng thời là nơi học viên có thể trao đổi, giao lưu học tập cùng các học viên khác trong trường. |
| | Sao lưu và phục hồi dữ liệu | Hệ thống có chức năng cài đặt sao lưu dữ liệu định kỳ theo tùy chỉnh của người quản trị (người quản trị có thể thiết lập chế độ sao lưu dữ liệu theo ngày, giờ) |
| | | Ngoài ra hệ thống còn cung cấp công cụ cho người quản trị thực hiện sao lưu dữ liệu đột xuất và tùy chọn các thành phần cần sao lưu: |
| | | Dữ liệu cấu hình hệ thống (quản lý người sử dụng; cấu hình thiết lập kênh thông tin). |
| 23 | | Dữ liệu mới phát sinh.Cơ sở dữ liệu lưu trữ nội dung,Các dữ liệu liên quan khác. |
| | | Chức năng phục hồi cho phép phục hồi dữ liệu theo phiên bản đã được lưu trữ khi cần thiết hoặc khi có sự cố xảy ra. |
| | | Lưu lại các sự kiện diễn ra trong toàn bộ hệ thống để phục vụ theo dõi, giám sát và có cơ chế tự cảnh báo các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động của hệ thống để có phương án xử lý nhanh nhất khi hệ thống gặp sự cố. |